

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03 /2025/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 14 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ phát triển đất Nghệ An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Nghệ An về việc thông qua mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 5717/TTr-STC ngày 25/12/2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 04 năm 2025.

2. Bãi bỏ Quyết định số 4377/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An và Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất Nghệ An.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ phát triển đất Nghệ An;

Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT (TP, T).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Vinh

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03 /2025/QĐ-UBND
ngày 44 tháng 04 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất Nghệ An (sau đây gọi tắt là Điều lệ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An (sau đây gọi tắt là Quỹ).
2. Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi đầy đủ: Quỹ phát triển đất Nghệ An.

Tên giao dịch quốc tế: Nghệ An Land Development Fund (Viết tắt: NLDF).

2. Địa chỉ trụ sở: Trước mặt đặt tại Trụ sở Sở Tài chính tỉnh Nghệ An.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, chức năng và nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ phát triển đất Nghệ An là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An, do Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định thành lập, hoạt động theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2).

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai 2024, Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất (sau đây gọi là Nghị định 104/2024/NĐ-CP) và pháp luật có liên quan.

4. Quỹ hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước; bảo toàn và phát triển

vốn; không vì mục đích lợi nhuận. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

Nhiệm vụ của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định 104/2024/NĐ-CP; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

Quyền hạn của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có:

- a) Hội đồng quản lý;
- b) Ban kiểm soát;
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Quỹ phát triển đất Nghệ An hoạt động theo mô hình độc lập.

Điều 8. Hội đồng quản lý

1. Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, có 07 (bảy) thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác.

a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách;

c) Các thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ gồm Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng UBND tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh. Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

d) Thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng;

đ) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi số lượng, thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan; bảo toàn và phát triển vốn;

b) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý; Quy chế ứng vốn; Quy chế chi tiêu nội bộ và các Quy chế khác phục vụ hoạt động của Quỹ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý;

c) Giám sát, kiểm tra Cơ quan điều hành nghiệp vụ trong việc chấp hành

chính sách, pháp luật và việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Điều lệ này;

đ) Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ này;

e) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật;

g) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý;

h) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 9. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 thành viên, gồm: Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát là Trưởng phòng của Sở Tài chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý; các thành viên Ban kiểm soát là lãnh đạo phòng của các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ;

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý,

Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ;

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật;

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và viên chức hoạt động, tham mưu trực tiếp Lãnh đạo Cơ quan điều hành Quỹ. Trường hợp thành lập các phòng của Cơ quan điều hành nghiệp vụ do Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ;

b) Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền;

c) Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách.

3. Biên chế của Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ là viên chức.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định của Nghị định 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành và sửa đổi quy chế ứng vốn; Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế khác theo quy định của pháp luật;

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ theo quy định tại khoản

2 Điều 14 Điều lệ này;

d) Báo cáo định kỳ 06 tháng và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ;

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP, các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ giao.

Điều 11. Mối quan hệ và trách nhiệm giữa Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ; giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước; giữa Quỹ và các tổ chức ứng vốn, tổ chức, cá nhân tài trợ, viện trợ, hỗ trợ vốn

1. Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Giám đốc Quỹ

a) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và trưởng Ban kiểm soát;

b) Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về hoạt động kiểm tra, giám sát; phối hợp với các cơ quan có chức năng kiểm tra giám sát về hoạt động của Quỹ; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý về chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c) Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý về nhiệm vụ được giao, chấp hành đúng quy định tại Điều lệ này và các văn bản pháp luật liên quan; báo cáo định kỳ, đột xuất với Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Quỹ; điều hành Quỹ thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định trước Hội đồng quản lý và pháp luật.

2. Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

a) Quỹ chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b) Quỹ phối hợp với các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao;

c) Quỹ phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội trong việc tuyên truyền, thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước và điều lệ hoạt động của các tổ chức đoàn thể xã hội.

3. Quỹ với Tổ chức được ứng vốn

a) Quỹ có trách nhiệm phối hợp với các tổ chức ứng vốn trong việc lập kế hoạch ứng vốn; trình cấp có thẩm quyền quyết định ứng vốn; xây dựng phương án hoàn trả vốn ứng, xác định chi phí quản lý sử dụng vốn ứng; kiểm tra, sử dụng vốn ứng;

b) Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu liên quan theo yêu cầu của Quỹ. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn ứng đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch và có hiệu quả.

4. Quỹ với các Tổ chức, cá nhân có vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ

a) Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận và quản lý công khai, minh bạch nguồn vốn hoạt động huy động từ vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định;

b) Các tổ chức, cá nhân có vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ được quyền kiểm tra, giám sát trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn huy động của tổ chức, cá nhân đó cho Quỹ theo đúng quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 12. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ

Mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất Nghệ An là: 1.000 tỷ đồng (*Một ngàn tỷ đồng*), được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương;

Vốn điều lệ bổ sung cho Quỹ được cấp bổ sung từ các nguồn sau:

- Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn ngân sách địa phương. Việc cấp vốn từ nguồn chi đầu tư phát triển cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách;

- Nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước,

ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn đảm bảo an toàn, hiệu quả.

Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, cụ thể:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước);

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước;

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa (hoặc không) thành lập tổ chức phát triển quỹ đất thì đối tượng ứng vốn là đơn vị, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ này.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số;

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này.

Điều 14. Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ

1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng vốn

Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn từ Quỹ theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn:

a) Hằng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 Điều lệ này đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ cho năm sau;

b) Căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được ứng vốn và nguồn vốn hiện có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: Chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do cấp có thẩm quyền tại khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn hiện có của Quỹ;

Đối với các dự án ngoài dự án tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá chỉ đưa vào kế hoạch ứng vốn các dự án có chủ trương ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư;

c) Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ Quỹ thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại điểm a, điểm b của khoản này.

3. Điều kiện ứng vốn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn;
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện;
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng;
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn đối với mức vốn ứng cho một dự án/nhiệm vụ lớn hơn 20 (hai mươi) tỷ đồng theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn đối với mức vốn ứng cho một dự án/nhiệm vụ nhỏ hơn hoặc bằng 20 (hai mươi) tỷ đồng;

2. Trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

Điều 16. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

3. Chi phí quản lý vốn ứng được xác định như sau:

Chi phí quản lý vốn ứng = $\sum (\text{Số dư nợ vốn ứng thực tế} \times \text{Số ngày duy trì số dư nợ vốn ứng thực tế} \times \text{Mức chi phí quản lý vốn ứng}) / 365$

Trong đó:

a) Số dư vốn ứng thực tế được xác định tại thời điểm cuối mỗi ngày trong thời hạn tính chi phí quản lý vốn ứng;

Thời hạn tính chi phí quản lý vốn ứng theo tháng, được tính từ ngày rút vốn đối với kỳ tính khoản chi phí quản lý vốn ứng đầu tiên hoặc ngày đầu tiên của tháng đối với các kỳ tính khoản chi phí quản lý vốn ứng tiếp theo đến hết ngày cuối cùng của tháng tính khoản chi phí quản lý vốn ứng hoặc ngày liền kề trước ngày hoàn trả vốn ứng đối với kỳ tính khoản chi phí quản lý vốn ứng cuối cùng;

b) Số ngày duy trì số dư nợ vốn ứng thực tế (bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) là số ngày mà số dư nợ vốn ứng thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi trong thời hạn tính chi phí quản lý vốn ứng quy định tại điểm a khoản này;

c) Mức chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo khoản 1 Điều này. Trường hợp cấp có thẩm quyền có quy định điều chỉnh mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, thì áp dụng theo mức lãi suất mới kể từ thời điểm mức lãi suất đó có hiệu lực thi hành.

4. Chi phí quản lý vốn ứng được chi trả trước hoặc trong cùng thời gian hoàn trả vốn ứng và được quy định cụ thể trong hợp đồng ứng vốn.

Điều 17. Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

1. Việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

2. Việc hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) được thực hiện theo quy định tại khoản 2

Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

3. Số tiền thanh toán quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ứng vốn quy định tại Điều lệ này, không được sử dụng vào mục đích khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

4. Trường hợp số tiền đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ phát triển đất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết, theo quy định tại khoản 4 Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 18. Gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng

1. Trong trường hợp các tổ chức được ứng vốn chưa thể hoàn trả được vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng đúng thời hạn theo quy định thì phải có văn bản giải trình gửi Quỹ trước thời điểm hoàn trả 30 ngày.

Trên cơ sở báo cáo kiểm tra thực tế, tái thẩm định, Quỹ xem xét, xử lý đối với từng trường hợp như sau:

a) Trường hợp do chính sách nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án dẫn đến tổ chức được ứng vốn gặp khó khăn trong việc hoàn trả vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng thì được xem xét gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng;

b) Trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản làm các tổ chức được ứng vốn không trả được nợ và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự như sau:

- Sử dụng các nguồn tài chính khác của tổ chức được ứng vốn theo quy định để thu hồi vốn;

- Tiền bồi thường của cơ quan bảo hiểm (nếu có);

- Được xem xét gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng;

c) Thẩm quyền gia hạn thời gian hoàn trả vốn ứng thực hiện theo thẩm quyền quyết định ứng vốn được quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này.

2. Trường hợp đặc biệt hết thời gian gia hạn mà tổ chức được ứng vốn chưa hoàn trả vốn ứng thì Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý.

Điều 19. Xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Trong trường hợp tổ chức ứng vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng và trái với các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước hoặc chưa hoàn trả

vốn ứng, chi phí sử dụng vốn ứng theo quy định: Quỹ có quyền tạm ngừng việc giải ngân vốn ứng và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật; tổ chức ứng vốn có trách nhiệm bố trí nguồn vốn hoàn trả cho Quỹ.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác thuộc tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với bên ủy thác. Quyết định hoặc Hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Phát triển đất Nghệ An);

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;

c) Số vốn ủy thác, việc quản lý vốn nhận ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt Quyết định hoặc Hợp đồng ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm, tranh chấp (nếu có);

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) của Quỹ.

4. Việc nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ quy định tại Điều lệ này.

5. Quỹ được hưởng khoản thu từ việc nhận ủy thác và được xác định là khoản thu của Quỹ.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 21. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ được thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 2). Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính, quản lý, sử dụng tài sản, đất trụ sở của Quỹ được quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 22. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu, chi của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 21 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

3. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Chế độ kế toán, báo cáo

Chế độ kế toán, báo cáo của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định 104/2024/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đã có trong kế hoạch ứng vốn từ Quỹ trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà chưa được ứng vốn thì tiếp tục ứng vốn để hoàn thiện dự án theo đúng mục tiêu, tiến độ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc ứng vốn được thực hiện theo quy trình, thủ tục, hồ sơ quy định tại Nghị định 104/2024/NĐ-CP và quy định tại Chương III của Điều lệ này.

2. Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Điều lệ này có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định, Hợp đồng ứng vốn đã được

cấp có thẩm quyền phê duyệt, việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

a) Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Điều lệ này;

b) Đối với trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

Điều 25. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất và tình hình hoạt động của Quỹ để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương để bố trí ngân sách địa phương hoàn trả Quỹ kịp thời; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư;

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Quỹ và các cơ quan liên quan thẩm định các công trình, dự án có trong kế hoạch đầu tư công để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong khi chưa được bố trí vốn kịp thời theo tiến độ để đưa vào kế hoạch ứng vốn từ Quỹ;

d) Căn cứ các quy định của pháp luật chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Quỹ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Quỹ và các cơ quan liên quan thẩm định các công trình, dự án có trong kế hoạch đầu tư công để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong khi chưa được bố trí vốn kịp thời theo tiến độ để đưa vào kế hoạch ứng vốn từ Quỹ;

b) Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất và tình hình hoạt động của Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh;

c) Phối hợp với Sở Tài chính cân đối và điều chỉnh nguồn vốn ngân sách địa phương để bố trí ngân sách địa phương hoàn trả Quỹ kịp thời; đáp ứng kịp

thời nhu cầu vốn cho bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định nhu cầu vốn tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ sự nghiệp giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, môi trường và các nhu cầu khác của địa phương; ổn định thị trường bất động sản để lập kế hoạch ứng vốn từ Quỹ;

b) Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan căn cứ vào kế hoạch sử dụng đất và tình hình hoạt động của Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh;

4. Các sở, ngành liên quan

a) Sở Xây dựng hướng dẫn các tổ chức ứng vốn từ Quỹ lập dự toán "chi phí sử dụng vốn ứng" vào mục chi khác của tổng mức đầu tư của dự án;

b) Kho bạc Nhà nước Nghệ An hướng dẫn các tổ chức ứng vốn, mở tài khoản nhận vốn, hoàn trả vốn ứng và các thủ tục hành chính theo quy định của ngành có liên quan đến Quỹ. Kiểm soát việc hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 17 Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

c) Sở Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy liên quan hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: Phê duyệt đề án vị trí việc làm; quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và thị xã

a) Xác định nhu cầu và lập kế hoạch ứng vốn hàng năm từ Quỹ về kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư các dự án đầu tư ngân sách nhà nước do UBND cấp huyện phê duyệt và của các dự án đầu tư do các bộ, ngành trung ương phê duyệt trên địa bàn; các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đầu tư giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước;

b) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức thực hiện, tiến độ và kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn cho các dự án ứng vốn từ Quỹ;

c) Cân đối và bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản ứng vốn từ Quỹ kịp thời; đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho bồi thường,

hỗ trợ giải phóng mặt bằng và nhu cầu xây dựng khu tái định cư;

d) Phân công nhiệm vụ cụ thể, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các tổ chức giải phóng mặt bằng, phòng ban trực thuộc, UBND cấp xã và các cán bộ, công chức để thực hiện;

6. Tổ chức phát triển quỹ đất và Tổ chức được giao làm nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư

a) Lập kế hoạch ứng vốn và chi trả kịp thời kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các đối tượng bị ảnh hưởng khi Nhà nước thu hồi đất; các dự án tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách Nhà nước; đồng thời trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí hoàn trả kịp thời vốn ứng cho Quỹ theo quy định;

b) Có trách nhiệm quản lý chặt chẽ việc sử dụng vốn đúng đối tượng, đúng mục đích, công khai, minh bạch, có hiệu quả, thu hồi và hoàn trả cho Quỹ toàn bộ số vốn đã ứng và chi phí quản lý ứng vốn ứng theo đúng quy định;

c) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu, sự phù hợp với chính sách của phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

7. Tổ chức, cá nhân có vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ cho Quỹ

a) Các Tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ có nhu cầu viện trợ, tài trợ, hỗ trợ vốn hoạt động cho Quỹ có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Trường hợp các Tổ chức, cá nhân hỗ trợ vốn có yêu cầu hoàn trả lại phần vốn đã hỗ trợ cho Quỹ thì phải được quy định tại hợp đồng hỗ trợ vốn để Quỹ có kế hoạch hoàn trả theo lộ trình hoàn trả vốn ứng của các dự án.

8. Quỹ phát triển đất Nghệ An

a) Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ; Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy chế khác để điều hành hoạt động của Quỹ;

b) Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện của Quỹ theo Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có trách nhiệm thực hiện các công việc:

- Tiếp nhận hồ sơ ứng vốn để thẩm định; lập thủ tục báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch ứng vốn; quyết định ứng vốn; giải ngân vốn ứng; thu hồi vốn ứng;

- Chủ trì thực hiện kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất các tổ chức ứng vốn về tình hình thực hiện dự án, việc sử dụng vốn ứng, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý tạm ngừng ứng vốn hoặc thu hồi số vốn mà tổ chức ứng vốn sử dụng sai mục đích, sai đối tượng và trái với các quy định về quản lý tài chính của Nhà nước;

- Thực hiện các thủ tục báo cáo theo quy định.

Điều 26. Áp dụng và sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Quỹ. Các tổ chức cá nhân có liên quan đến Quỹ có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện Điều lệ này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp các kiến nghị, đề xuất Hội đồng Quản lý Quỹ phối hợp với các cơ quan chuyên môn liên quan để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và theo đúng quy định của pháp luật./.

NGHỆ